

Bản án số: 61/2021/HNGĐ – ST

Ngày: 25-11-2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Mỹ Trang

2/ Ông Nguyễn Đình Cường

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 99/2021/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc: *“Xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Chị **Cao Ngọc T**, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)

* ***Bị đơn:*** Anh **Lê Hoàng P**, sinh năm: 1982 (vắng)

Cùng địa chỉ: ấp L1, xã L2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Cao Ngọc T trình bày: nguyên vào năm 2006 chị và anh Lê Hoàng P kết hôn theo phong tục tập quan, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 31/7/2006.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp L1, xã L2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, khoảng 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không hợp nhau, chị đã bỏ đi thành phố H làm từ năm 2015 đến nay. Nay chị xét thấy vợ chồng không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoàng P.

Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lê Cao Hoàng K, sinh ngày 15/01/2007 và Lê Cao Hoàng H, sinh ngày 17/8/2009, hiện đang sống chung với anh P, khi ly hôn chị tự nguyện giao hai con chung cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1500.000 đồng/01 con đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ

lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Lê Hoàng P nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Cao Ngọc T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Lê Hoàng P vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Cao Ngọc T có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 28/5/2021. Bị đơn anh Lê Hoàng P đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Cao Ngọc T và anh Lê Hoàng P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Cao Ngọc T và anh Lê Hoàng P kết hôn theo phong tục tập quán có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long ngày 31/7/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: xét thấy chị T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, khoảng 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không hợp nhau, chị đã bỏ đi thành phố H làm từ năm 2015 đến nay

Anh P đã được Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh P không còn hạnh phúc, mâu thuẫn càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Do đó Hội đồng xét xử xét yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Lê Cao Hoàng K, sinh ngày 15/01/2007 và Lê Cao Hoàng H, sinh ngày 17/8/2009, hiện đang sống chung với anh P, chị T tự nguyện giao hai con chung cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Tại biên bản hòa giải ngày 28/5/2021 của Tòa án thì cháu H và cháu K trình bày là có nguyện vọng sống với cha là anh P nếu cha mẹ ly hôn nhau và cho rằng cuộc sống sinh hoạt học tập của các cháu tốt, ổn định. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T: giao cháu K và cháu H cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1500.000 đồng/01 con đến khi cháu H và cháu K đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Ngọc T.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Ngọc T được ly hôn với anh Lê Hoàng P.

2/Về con chung: Giao con chung tên con chung tên Lê Cao Hoàng K, sinh ngày 15/01/2007 và Lê Cao Hoàng H, sinh ngày 17/8/2009 cho anh Lê Hoàng P tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Cao Ngọc T. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/con chung đến khi cháu H và cháu K đủ 18 tuổi.

3/Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Cao Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0006852 ngày 23 tháng 4 năm 2021, chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAT: 01;
- VKSND huyện M;
- THADS huyện M;
- UBND xã L2;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Tám